

Số: 2.58-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH TẠI CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CƯ M'GAR- 03 Y NGÔNG, XÃ QUẢNG PHÚ, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°49'16.7"N; 108°04'51.4"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (09h20-09h35) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Cư M'Gar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26058
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.58-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	1,0	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch tại chi nhánh cấp nước Cư M'gar- 03 Y Ngông, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°49'16,7'' N; 108°04'51,4'' E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 10/Q4-DLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/.

Số: 2.59-ĐLTN2/013/K14-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH TẠI TRẠM Y TẾ
THỊ TRẤN EA PỐK – 81 TỔ DÂN PHỐ QUYẾT TIẾN, XÃ
QUẢNG PHÚ, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°44'03.0"N; 108°07'43.4"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (09h45-10h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Cư M'Gar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26059
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Nguyễn Hữu Trung





TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.59-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,94	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,71	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch tại Trạm y tế thị trấn Ea Pôk – 81 tổ dân phố Quyết Tiến, Xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk. Tọa độ: 12°44'03.0''N; 108°07'43.4''E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 10/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.60-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH CỦA TRẠM XỬ LÝ EA PÔK – THÔN 2, XÃ QUẢNG PHÚ, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48'23.4"N; 107°04'18.4"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (10h10-10h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Cư M'Gar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26060
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tân An Ward, Đắk Lắk Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@qtcvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn

Số: 2.60-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,42	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,41	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra Bể chứa nước sạch của Trạm xử lý Ea Pôk – Thôn 2, Xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°48'23.4"N; 107°04'18.4"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 10/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- S: Kết quả thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.61-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH TẠI NHÀ HỘ DÂN – 176 HÙNG VƯƠNG, XÃ QUẢNG PHÚ, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°46'23.1"N; 108°04'17.8"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (10h25-10h40) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Cư M'Gar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26061
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel.): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.61-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,38	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,35	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch tại nhà hộ dân – 176 Hùng Vương, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°46'23.1''N; 108°04'17.8''E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 10/Q4-DLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./



Số: 2.4-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 30 THÔN EA DUỐT, XÃ EAWER, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48'32.1"N; 107°53'16.6"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 13/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (10h35-10h55) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26004
- Thời gian thử nghiệm : từ 13/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



Số: 2.4-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C) -	TCVN 6492:2011	7,22	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi -	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	2,38	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,70	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 30 thôn Ea Duốt, Xã Eawer, tỉnh Đắk Lắk

Tọa độ: 12°48'32.1"N; 107°53'16.6"E

- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 01/Q4-DLTN2 ngày 13/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.3-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 28
XÓM 2, THÔN HÀ BẮC, XÃ EAWER, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48'41.0"N; 107°53'41.0"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 13/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (11h00-11h15) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26003
- Thời gian thử nghiệm : từ 13/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.3-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,88	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,61	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 28 Xóm 2, Thôn Hà Bắc, Xã Eawer, tỉnh Đắk Lắk
 Tọa độ: 12°48'41.0"N; 107°53'41.0"E
 - Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 01/Q4-ĐLTN2 ngày 13/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.2-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN - SỐ 49 THÔN 15, XÃ EA WER, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48.2'1.0"N; 107°54'0.8"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 13/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (11h20-11h35) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26002
- Thời gian thử nghiệm : từ 13/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.2-ĐLTN2/013/KT4-K11

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	7,09	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQI.)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,41	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân - Số 49 thôn 15, xã Ea Wer, tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°48.2'1.0"N; 107°54'0.8"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 01/Q4-ĐLTN2 ngày 13/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.1-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – TRẠM CẤP NƯỚC BUÔN ĐÔN, XÃ EAWER, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48'20.4"N; 107°52'46.5"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 13/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (10h00-10h25) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh Cấp nước Buôn Đôn
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26001
- Thời gian thử nghiệm : từ 13/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.1-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	7,40	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L TCVN 6185:2015	2,12	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L TCVN 6625-2:2021	0,78	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L TCVN 6186:1996	KPII (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Trạm cấp nước Buôn Đôn, xã Ea Wer, tỉnh Đắk Lắk. Tọa độ: 12°48'20.4"N; 107°52'46.5"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 01/Q4-ĐLTN2 ngày 13/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.8-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN:
ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, XÃ EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 13°41'31.3"N; 108°03'24.9"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 13/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h35-14h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh Cấp nước Ea Súp
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26008
- Thời gian thử nghiệm : từ 13/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.8-ĐLTN2/013/K14-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,60	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,83	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân: Đường Hùng Vương, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 13°41'31.3"N; 108°03'24.9"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 02/Q4-ĐLTN2 ngày 13/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPII: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./



Số: 2.7-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN: 33 PHẠM NGỌC THẠCH, XÃ EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 13°04'18.4"N; 107°53'23.0"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 13/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h15- 13h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh Cấp nước Ea Súp
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26007
- Thời gian thử nghiệm : từ 13/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

SỐ: 2.7-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,53	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,89	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân: 33 Phạm Ngọc Thạch, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 13°04'18.4"N; 107°53'23.0"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 02/Q4-ĐLTN2 ngày 13/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BuA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.6-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐÀU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN: 46
ĐIỆN BIÊN PHỦ, XÃ EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 13°03'59.4"N; 107°53'14.5"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h00-13h10) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh Cấp nước Ea Súp
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26006
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.6-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,86	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,80	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân: 46 Điện Biên Phủ, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

Tọa độ: 13°03'59,4"N; 107°53'14,5"E

- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 02/Q4-ĐLTN2 ngày 13/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh/No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@icvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn



Số: 2.5-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐÀU RA BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH CỦA CHI NHÁNH CẤP NƯỚC EA SÚP: 164 THÔN 6, XÃ EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48'26.4"N; 107°52'55.4"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (12h40-12h55) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh Cấp nước Ea Súp
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26005
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.5-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,97	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	1,0	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra bể chứa nước sạch của Chi nhánh Cấp nước Ea Súp; 164 Thôn 6, xã Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

Tọa độ: 12°48'26.4"N; 107°52'55.4"E

- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 02/Q4-DLTN2 ngày 13/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.20-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – TRẠM XỬ LÝ NƯỚC MẶT BUÔN HỒ,
PHƯỜNG CƯ BAO, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°55'07.6"N; 108°16'06.6"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (18h00-18h15) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26020
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.20-DL/TN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,58	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Trạm xử lý nước mặt Buôn Hồ, Phường Cư bao, Tỉnh Đắk Lắk

Tọa độ: 12°55'07.6"N; 108°16'06.6"E

- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.19-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 18 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, PHƯỜNG BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°55'08.4"N; 108°15'58.3"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (14h40-14h50) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26019
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.19-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,58	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,74	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 18 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°55'08.4"N; 108°15'58.3"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.18-DLTN2/013/KT4-K11

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐÀU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 02
NGUYỄN TRI PHƯƠNG, PHƯỜNG BUỒN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°55'13.77"N; 108°15'49.7"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h20-13h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26018
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.18-DL.TN2/013/KT4-K11

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,57	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,75	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 02 Nguyễn Tri Phương, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°55'13.77"N; 108°15'49.7"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-ĐL.TN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.17-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – TỔ DÂN PHỐ 3, THÔN 3, XÃ PƠ ĐĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK. TỌA ĐỘ: 12°56'53.0"N; 108°15'05.6"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (12h45-13h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26017
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.17-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,80	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	1,0	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – Tổ dân phố 3, Thôn 3, Xã Pơ Đrăng, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°56'53.0"N; 108°15'05.6"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.16-DL.TN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH TRẠM CẤP NƯỚC BUÔN HỒ, 156 NGUYỄN VIỆT XUÂN, PHƯỜNG BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°55'50.8"N; 108°15'20.8"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (16h20-16h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26016
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG DLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.16-DL/TN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,30	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,61	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch Trạm cấp nước Buôn Hồ, 156 Nguyễn Viết Xuân, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk. Tọa độ: 12°55'50.8"N; 108°15'20.8"E
 - Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-DL/TN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- TTên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.

Số: 2.15-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 1128 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG BUỒN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°52'00.9"N; 108°15'21.6"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (15h45-16h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buồn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26015
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.15-ĐLTN2/013/KT4-KII

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,31	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,71	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 1128 Hùnn Vương, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°52'00.9"N; 108°15'21.6"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/.

Số: 2.14-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 1200 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG BUỒN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°51'40.6"N; 108°15'21.6"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (12h05-12h15) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26014
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.14-DLTN2/013/KT4-KII

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,45	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,80	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 1200 Hùng Vương, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk
 Tọa độ: 12°51'40.6"N; 108°15'21.6"E
 - Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-DLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.13-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐÀU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 57 TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°55'08.4"N; 108°15'58.3"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (17h10-17h25) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26013
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



Số: 2.13-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,68	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,70	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 57 Trần Hưng Đạo, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°55'08.4''N; 108°15'58.3''E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-ĐL.TN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

Số: 2.12-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 73 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG BUỒN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°55'13.8"N; 108°15'49.5"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (16h40-16h50) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buồn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26012
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.12-DL.TN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,58	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
 - Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 73 Nguyễn Chí Thanh, Phường Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk
 Tọa độ: 12°55'13.8"N; 108°15'49.5"E
 - Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn



Số: 2.11-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH TRẠM NƯỚC NGÀM THÔNG NHẤT, CHI NHÁNH CẤP NƯỚC BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK.
TỌA ĐỘ: 12°51'49.2"N; 108°14'09.5"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (11h40-11h50) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26011
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



Số: 2.11-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,45	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,77	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch Trạm nước ngầm Thống Nhất, Chi nhánh cấp nước Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk.
Tọa độ: 12°51'49.2"N; 108°14'09.5"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 03/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.

Số: 2.24-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 55 TRẦN HƯNG ĐẠO, XÃ KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°56'59.6"N; 108°20'23.9"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (15h00-15h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Krông Năng
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26024
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.24-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,23	6,0 – 8,5
2.	Dộ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,36	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 55 Trần Hưng Đạo, Xã Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°56'59.6"N; 108°20'23.9"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 04/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.23-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN –
150 NGUYỄN TẮT THÀNH, XÃ KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°57'06"N; 108°20'12"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (15h25-15h40) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Krông Năng
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26023
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mac Dinh Chi, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel.): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn

Số: 2.23-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,17	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,33	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 150 Nguyễn Tất Thành, Xã Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°57'06"N; 108°20'12"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 04/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II; QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.22-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH HỘ NHÀ DÂN – 05
NƠ TRANG LÔNG, XÃ KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°57'04.0"N; 108°20'27.7"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (14h10-14h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Krông Năng
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26022
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG DLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.22-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,27	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,20	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch hộ nhà dân – 05 Nơ Trang Lơng, xã Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°57'04.0"N; 108°20'27.7"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 04/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.21-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐÀU RA NƯỚC SẠCH CỦA CHI NHÁNH CẤP NƯỚC KRÔNG NĂNG - 02 TUỆ TỈNH, XÃ KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°56'54.4"N; 108°20'54.9"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 14/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (13h55-14h05) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Krông Năng
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26021
- Thời gian thử nghiệm : từ 14/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau



PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.21-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,71	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,42	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganatc	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch của Chi nhánh cấp nước Krông Năng - 02 Tuệ Tĩnh, xã Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk. Tọa độ: 12°56'54.4"N; 108°20'54.9"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 04/Q4-ĐLTN2 ngày 14/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/.

Số: 2.28-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH CỦA HỘ NHÀ DÂN – 100 GIẢI PHÓNG, XÃ KRÔNG PẮK, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°42'41.0"N; 108°18'50.8 "E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 15/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (12h23-12h35) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26028
- Thời gian thử nghiệm : từ 15/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Đắk Lắk Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.28-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,24	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,40	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch của hộ nhà dân – 100 Giải Phóng, Xã Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°42'41.0"N; 108°18'50.8"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 05/Q4-ĐLTN2 ngày 15/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.27-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH CỦA HỘ NHÀ DÂN – 26 TRẦN HƯNG ĐẠO, XÃ KRÔNG PẮK, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°42'35.5"N; 108°18'41.0 "E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 15/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (12h10-12h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26027
- Thời gian thử nghiệm : từ 15/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.27-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,44	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,44	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch của hộ nhà dân – 26 Trần Hưng Đạo, Xã Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°42'35.5"N; 108°18'41.0"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 05/Q4-ĐLTN2 ngày 15/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.26-DLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH CỦA HỘ NHÀ DÂN – 35B TRẦN PHÚ, XÃ KRÔNG PẮK, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°49'11.4"N; 108°19'58.4"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 15/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (11h50-12h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26026
- Thời gian thử nghiệm : từ 15/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.26-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	- TCVN 6492:2011	6,27	6,0 – 8,5
2.	Độ đục NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	- SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As) mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i> CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂) mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,31	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch của hộ nhà dân – 35B Trần Phú, Xã Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°49'11.4"N; 108°19'58.4"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 05/Q4-DLTN2 ngày 15/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.

Số: 2.25-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐÀU RA BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH TRẠM
XỬ LÝ CẤP NƯỚC KRÔNG PẮK – XÃ KRÔNG PẮK, TỈNH
ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12⁰42'38.8''; 108⁰17'44,2''E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 15/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (11h39-11h45) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26025
- Thời gian thử nghiệm : từ 15/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.25-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,20	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,30	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (MDL = 0,23)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra Bể chứa nước sạch Trạm xử lý cấp nước Krông Pắc – Xã Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°42'38.8"N; 108°17'44.2"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 05/Q4-ĐLTN2 ngày 15/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3.797999; Email: qntest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.32-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH CỦA HỘ NHÀ DÂN - 144 NGUYỄN TẮT THÀNH, XÃ EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°55'02.2"N; 108°16'01.2"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 15/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (14h10-14h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Ea Kar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26032
- Thời gian thử nghiệm : từ 15/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Nguyễn Hữu Trung



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/ Block 8, Tân An Ward, Đắk Lắk Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel.): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.32-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	6,91	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,49	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch của hộ nhà dân - 144 Nguyễn Tất Thành, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°55'02.2"N; 108°16'01.2"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 06/Q4-ĐLTN2 ngày 15/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.31-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH CỦA HỘ NHÀ DÂN - 08 TRẦN HƯNG ĐẠO, XÃ EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°80'72.7"N; 108°44'91.9"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 15/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (14h40-14h55) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Ea Kar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26031
- Thời gian thử nghiệm : từ 15/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trung



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đình Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn

Số: 2.31-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định ^(*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	7,23	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,92	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganatc	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch của hộ nhà dân - 08 Trần Hưng Đạo, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°80'72,7"N; 108°44'91,9"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 06/Q4-ĐLTN2 ngày 15/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.30-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐẦU RA NƯỚC SẠCH CỦA HỘ NHÀ DÂN - 06 HẸM 11 LÝ THƯỜNG KIỆT, XÃ EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48'21.5"N; 108°27'18.6"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 15/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (14h25-14h35) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Ea Kar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26030
- Thời gian thử nghiệm : từ 15/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2



Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ/Address: Khối 8, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk/Block 8, Tân An Ward, Đắk Lắk Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ/Address: 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh / No. 64 - 66 Mạc Đĩnh Chi, Tân Định Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại (Tel): (0262) 3 797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web: quatest4.com.vn

Số: 2.30-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	7,11	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,59	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch của hộ nhà dân - 06 Hẻm 11 Lý Thường Kiệt, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°48'21.5"N; 108°27'18.6"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 06/Q4-ĐLTN2 ngày 15/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./

Số: 2.29-ĐLTN2/013/KT4-K11

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT – ĐÀU RA NƯỚC SẠCH CỦA TRẠM CẤP NƯỚC EA KAR – THÔN CHƯ CÚC, XÃ EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK
TỌA ĐỘ: 12°48'18.1"N; 108°26'58.5"E
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 15/01/2026
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (15h00-15h20) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh cấp nước Ea Kar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 chai thủy tinh 500ml, 01 chai nhựa 1000ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 26029
- Thời gian thử nghiệm : từ 15/01/2026 đến 30/01/2026
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Số: 2.29-ĐLTN2/013/KT4-KH

Ngày: 30/01/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính		Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	Độ pH (tại 25°C)	-	TCVN 6492:2011	7,22	6,0 – 8,5
2.	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020	<1 (MQL)	≤ 2
3.	Mùi	-	SMEWW 2150B:2023 ^(NA)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	TCVN 6626:2000	KPH (MDL = 0,0005)	≤ 0,01
5.	Độ màu	mgPt/L	TCVN 6185:2015	<2,0 (MQL)	≤ 15
6.	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
7.	Tổng số Coliform	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (<1)	< 1
8.	Hàm lượng Clo dư tự do (Cl ₂)	mg/L	TCVN 6625-2:2021	0,92	0,2 – 1,0
9.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6660:2000	KPH (MDL = 0,13)	≤ 1
10.	Chỉ số Permanganatc	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,7 (MQL)	≤ 2

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại: Đầu ra nước sạch của Trạm cấp nước Ea Kar – thôn Chư Cúc, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk
Tọa độ: 12°48'18.1"N; 108°26'58.5"E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 06/Q4-ĐLTN2 ngày 15/01/2026;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- (*): Chương II: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- NA: phép thử chưa được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi BoA
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.